TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 08 – 01 – 2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình
về ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1972
Địa chỉ: Số 108/1, ấp T, xã Q, thành phố S, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh P, sinh năm 1970
Địa chỉ: ấp T, xã Q, thành phố S, Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh A, sinh năm 1967
Địa chỉ: Dãy A3, KDC O, ấp Đ, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị T và anh P chung sống vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức đám cưới. Đến ngày 20/8/2004, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, do chị T bị bệnh. Trong thời gian này anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Đến năm 2015, anh P bỏ đi và chung sống với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống với nhau. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh P.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 04/8/2002. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Gồm có phần đất diện tích 1875,8m^2 thuộc thửa 322, tờ bản đồ 18. Nguồn gốc thửa đất 322 do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông S vào ngày 10/6/2009. Đến ngày 12/9/2011, chị T đăng ký kê khai và được Ủy ban thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay thửa đất 322, chị T đang cho anh A thuê để làm hoa kiểng, thời hạn thuê là 04 năm tính từ ngày 10/02/2019 đến 10/02/2024, diện tích thuê khoảng 2.000m^2 (bao gồm cả thửa 539, mà ông L tặng cho chị T), giá thuê là 78.000.000đ, chị T đã nhận đủ tiền thuê đất 04 năm.

Nay chị T không đồng ý chia ½ diện tích đất là 928,8m^2 theo yêu cầu khởi kiện của anh P. Vì vào năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh P bỏ đi đã thỏa thuận miệng giao lại toàn bộ phần đất trên cho chị T quản lý, canh tác và chịu trách nhiệm trả khoản nợ chung cho ngân hàng là 150.000.000đ (vay vào năm 2013 để trị bệnh cho chị T).

Trong trường hợp buộc phải chia tài sản theo yêu cầu của anh P, thì chị T chỉ đồng ý chia ½ giá trị đất cho anh P theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định là 500.000đ/m^2 x 928,9m^2 = 464.450.000đ.

Đối với chi phí đầu tư san lấp cát khoảng 30.000.000đ đến 40.000.000đ (không có chứng cứ), số tiền nợ 150.000.000đ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn mà chị T đã trả. Trong trường hợp phải chia ½ diện tích đất cho anh P, thì chị T không yêu cầu anh P trả lại.

Đối với hợp đồng cho thuê đất giữa chị T và anh A, trong trường hợp phải chia ½ diện tích đất theo yêu cầu của anh P, thì phần diện tích đất còn lại mà chị T được chia, chị T vẫn đồng ý để anh Ân tiếp tục thuê. Về số tiền thuê đất đã nhận, chi phí đầu tư của anh A trên đất thuê phía chị T và anh A tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Về cây trồng có trên đất ai được phân chia người đó hưởng. Số cây osaka có trên đất anh P được chia thì chị T sẽ tự di dời.

Hiện nay phần đất tranh chấp thuộc thửa 322, ngoài việc cho anh A thuê thì chị

T không có cầm cố hay thế chấp cho bất cứ cá nhân, tổ chức tín dụng nào.

Đối với thửa đất 539 tờ bản đồ 18 diện tích 609,1m^2, có nguồn gốc là của ông L (cha chị T). Ngày 12/6/2013, ông L làm hợp đồng tặng cho chị T quyền sử dụng đất diện tích 1.005m^2 thửa 441 tờ bản đồ 18, hợp đồng tặng cho có công chứng tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 15/7/2013, chị T được Ủy ban thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, chị T có hiến cho Nhà nước một diện tích làm đường dân sinh, một phần chuyển nhượng cho chị H, diện tích còn lại 609,1m^2 thuộc thửa 539 tờ bản đồ 18 và chị T được Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/2018.

Chị T xác định quyền sử dụng đất thửa 539 là tài sản riêng của chị T, trên cơ sở là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12/6/2013. Tuy nhiên, trong vụ kiện này, chị T không có tranh chấp yêu cầu gì đối với thửa đất 539, tờ bản đồ 18.

- *Về nợ chung*: Không có nên yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T xác định không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn anh P thống nhất theo lời trình bày của chị T. Anh P và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, thời gian này chị T bị bệnh, để có tiền lo cho chị T, nên anh P bàn bạc gia đình thế chấp tài sản vay tiền ngân hàng để lo trị bệnh cho chị T nhưng cha mẹ chị T không đồng ý vì sợ anh P vay tiền xài cá nhân. Mâu thuẫn trầm trọng là cuối năm 2014, trong gia đình anh P nhận thấy mình không được tôn trọng, không có tiếng nói trong gia đình. Buồn chán nên anh P bỏ ra ngoài sống và vợ chồng ly thân. Mặc dù ly thân, nhưng anh P vẫn tới lui phụ chị T làm vườn, chăm sóc cây kiểng, khi chị T xây nhà thì anh P cũng về làm tiếp. Tuy nhiên, sau khi cất nhà xong thì chị T nộp yêu cầu ly hôn anh P. Nay anh P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống, anh P đồng ý ly hôn chị T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 04/8/2002, con chung đã thành niên nên không yêu cầu yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh P xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có phần đất diện tích đo đạc thực tế là 1.875,8m^2 thuộc thửa 322, tờ bản đồ 18 và một phần đất thuộc thửa 539, tờ bản đồ 18 do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa 322 do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Sanh. Đối với thửa đất 539, nguồn gốc đất của ông L (cha chị T), trong đó một phần do vợ chồng nhận chuyển nhượng và một phần do chị T nhận tặng cho từ ông L. Nhưng các bên thỏa thuận miệng làm hợp đồng tặng cho (cha cho con) để không phải chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Nay vợ chồng ly hôn, anh P yêu cầu chia tài sản chung là ½ diện tích đất là 928,9m^2 thuộc thửa 322 để sử dụng, vì hiện nay anh P cũng không có phần

đất nào khác để canh tác, anh P không đồng ý chia giá trị theo như ý kiến của chị T. Vị trí phần đất anh P yêu cầu chia thể hiện từ mốc 5 – 6 – 7 – 12 – 5 (theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 17/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc). Đối với cây trồng có trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, ai được chia thì người đó hưởng, không tranh chấp. Còn số cây kiểng (osaka) do chị T trồng, nếu có trên đất mà anh P được chia thì chị T phải di dời, anh P không yêu cầu chia.

Trong trường hợp được chia đất, anh P vẫn đồng ý để cho anh A tiếp tục thuê và sẽ thỏa thuận lại với anh Avề thời hạn thuê đất. Đối với số tiền chị T cho anh Ân thuê đất là 78.000.000đ, anh P không yêu cầu chị T chia lại cho anh P.

Đối với thửa đất 539 tờ bản đồ 18 diện tích 609,1m^2 do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này để anh P và chị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này, nếu sau này không thỏa thuận được sẽ tiếp tục khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh P không còn yêu cầu hay ý kiến gì khác.

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ân trình bày*:

Anh A có thuê của chị Trần Kim T phần đất thuộc thửa 322, 539 để làm hoa kiểng, thời hạn thuê là 04 năm tính từ ngày 10/02/2019 đến 10/02/2024, diện tích thuê khoảng 2.000m^2 (bao gồm thửa 322 và thửa 539), giá thuê là 78.000.000đ, anh Ân đã trả đủ tiền thuê đất 04 năm cho chị T

Quá trình thuê đất anh A có đầu tư san lấp mặt bằng, làm giàn bông, làm thêm hàng rào lưới B40 (chiều dài 25m) để bảo vệ tài sản. Về phía anh P có biết việc anh A thuê đất và không có tranh chấp gì.

Trong trường hợp Tòa án xét xử chấp nhận chia cho anh P ½ diện tích đất, thì anh A cũng đồng ý giao đất cho anh P sử dụng. Đối với chi phí đầu tư san lấp mặt bằng, tiền cho thuê, anh A, chị T và anh P sẽ tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, anh A không còn ý kiến gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P

- Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị T và anh P đều thống nhất xác định thửa đất 322 tờ bản đồ 18 là tài sản do vợ chồng cùng tạo lập khi còn sống chung, nên có đủ căn cứ xác định thửa đất 322 là sản chung Về phía chị T cho rằng, khi anh P bỏ đi đã thỏa thuận để lại toàn bộ tài sản cho chị T quản lý nhưng chị T không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên sau ly hôn. Nên chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh P. Chia cho anh P ½ diện tích đất là 928,9m^2; Chia cho chị T ½ diện tích đất là 928,9m^2

- Về chia nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ân đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh P chung sống vợ chồng từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2004 tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt không thể hàn gắn. Từ năm 2015 đến nay, chị T và anh P đã sống ly thân, không có quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay, chị T và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hàn gắn, tiếp tục trở lại chung sống với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P cũng đồng ý. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh P thống nhất có 01 con chung tên N, sinh ngày 04/8/2002. Hiện nay, con chung đã thành niên nên chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Xét yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chia tài sản chung là ½ diện tích đất là 928,9m^2 thuộc thửa 322 tờ bản đồ 18, thể hiện từ mốc 5 – 6 – 7 – 12 – 5.

Về phía nguyên đơn chị T không đồng ý chia cho anh P ½ diện tích đất là 928,8m^2. Trường hợp phải chia tài sản cho anh P, thì chị T chỉ đồng ý chia ½ giá trị quyền sử dụng đất cho anh P theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định là 500.000đ/m^2 x 928,9m^2 = 464.450.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T và anh P đều thống nhất xác định phần đất diện tích đo đạc thực tế 1857,8m^2 thuộc thửa 332 tờ bản đồ 18 toạ lạc tại ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc do chị Trần Kim T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đây là những tình tiết có thật, đã được các bên thừa nhận, thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy, có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của chị T và anh P.

Về phía chị T cho rằng vào năm 2015, khi anh P bỏ nhà đi đã thỏa thuận miệng để lại toàn bộ phần đất thuộc thửa 322 cho chị T quản lý, canh tác và chịu trách nhiệm trả khoản nợ chung cho ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thông, chi nhánh Sa Đéc là 150.000.000đ (vay vào năm 2013 để trị bệnh cho chị T). Nhưng lời trình bày này của chị T không được phía anh P thừa nhận và chị T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc anh P đã thỏa thuận để lại toàn bộ tài sản chị T.

Tuy nhiên, chị T cho rằng, trong trường hợp phải chia tài sản chung theo yêu cầu của anh P, thì chị T chỉ đồng ý chia ½ giá trị quyền sử dụng (bằng tiền) cho anh P. Nhưng về phía anh P cũng có nhu cầu sử dụng đất, không đồng ý nhận giá trị đất. Do đó cần xem xét thực tế nhu cầu sử dụng tài sản chung liên quan đến cuộc sống, nguyện vọng và khả năng của từng người sau khi ly hôn để quyết định việc phân chia.

Tại Khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia định quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

"3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch".

Xét thấy, qua xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp là loại đất cây lâu năm. Ngoài việc cho anh A thuê để làm hoa kiểng (có thời hạn 04 năm) thì trên đất tranh chấp không còn công trình kiến trúc kiên cố nào khác. Hơn nữa, vị trí đất tranh chấp nằm tiếp giáp đường dân sinh, phần đất mà các bên tranh chấp có diện tích lớn, đảm bảo đủ điều kiện để tách thửa theo quy định. Đồng thời việc anh P yêu cầu chia đất cũng không làm ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng đất của các bên. Như vậy, việc anh P yêu cầu chia tài sản chung ½ phần đất diện tích đất 928,9m^2 thuộc thửa 322, thể hiện từ mốc 5 – 6 – 7 – 12 – 5 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, chia cho anh P được sử dụng phần đất diện tích đất 928,9m^2 thuộc thửa một phần 322 hiện từ mốc 5 – 6 – 7 – 12 – 5. Chia cho chị T được sử dụng phần đất diện tích là 928,9m^2 thuộc một phần thửa 322, thể hiện từ mốc 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 7.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết bị đơn anh P cho rằng tài sản chung của vợ chồng còn phần đất thuộc thửa 539, tờ bản đồ 18 do chị T đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng phía chị T không thừa nhận. Tuy nhiên, trong vụ kiện này anh P không yêu cầu giải quyết, để các bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đối với chi phí đầu tư san lấp cát trên thửa đất 322 theo chị T trình bày khoảng 30.000.000đ đến 40.000.000đ và số tiền nợ 150.000.000đ mà chị T đã trả cho ngân hàng xong. Trong trường hợp phải chia đất cho anh P, thì chị T cũng không yêu cầu anh P trả lại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị T.

Đối với số tiền 78.000.000đ mà chị T cho anh Ân thuê đất. Anh P không tranh chấp yêu cầu chị T chia đôi số tiền này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh P.

Đối với hợp đồng cho thuê đất giữa chị T và anh A, trong trường hợp Tòa án xét xử chấp nhận chia cho anh P ½ diện tích đất, thì anh A cũng đồng ý giao đất cho anh P sử dụng. Về chi phí đầu tư trên đất, tiền thuê đã thanh toán cho chị T. Anh A, chị T và anh P tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về chia nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ. Chị T và anh P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tổng giá trị tài sản được chia là 22.578.000đ.

[7] Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Số tiền là 5.937.000đ, anh P tự nguyện nộp toàn bộ (đã nộp đủ và chi xong).

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P; Chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33, 55, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 04/8/2002. Hiện nay, con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chia tài sản chung. Tài sản chung của chị T và anh P được chia như sau:

- Buộc chi T chia cho anh P được quyền sử dụng phần đất diện tích đất 928,9m^2 thuộc thửa một phần 322 tờ bản đồ 18, thể hiện từ mốc 5 – 6 – 7 – 12 – 5, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 928,9m^2 thuộc một phần thửa 322 tờ bản đồ 18, thể hiện từ mốc 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 7, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Vị trí phần đất được chia thể hiện theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc.

Các đương sự có trách nhiệm di dời tài sản trên đất để giao đất cho anh Lâm Văn P quản lý, sử dụng.

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc kèm theo).

4. Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 22.578.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về chia tài sản chung). Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000769 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 22.578.000đ.

- Anh P phải chịu án 22.578.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về chia tài sản chung). Số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 40.849.000đ theo biên lai thu số 0000960 ngày 12/5/2020 được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi trừ tiền án phí, anh P được nhận lại số tiền 18.271.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Số tiền là 5.937.000đ, anh P tự nguyện nộp (đã nộp đủ và chi xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSĐ;
- THA Dân sự TPSĐ**;**
- UBND xã Tân Khánh Đông, TPSĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy